

TP.HCM, ngày 04 tháng 8 năm 2025

Số: 304 /PCTT-VPĐK-ĐK

**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI
100 HỒ SƠ DỰ ÁN CHUNG CƯ CC1 – KHỐI B (STOWN THAM LƯƠNG),
PHƯỜNG ĐÔNG HUNG THUẬN**

Kính gửi: Thuế cơ sở 12 Thành phố Hồ Chí Minh.

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI (theo danh sách đính kèm 100 hồ sơ)

- 1.1. Mã hồ sơ: 792679112025000612-617 + 619-627 + 629-651 + 653-669 + 671-683 + 685-703 + 705-707 + 709-717 + 719-720 (100hs).
1.2. Ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: ngày 14/7/2025.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT: (theo danh sách đính kèm 100 hồ sơ)

- 2.1. Tên:
Bên chuyển nhượng: Công ty Cổ phần STC Corporation;
Bên nhận chuyển nhượng: các Ông (bà) theo danh sách đính kèm 100 hồ sơ.
2.2. Địa chỉ: /.
2.3. Số điện thoại liên hệ:..... Email (nếu có):.....
2.4. Mã số thuế (nếu có):.....
2.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân:
Số.....; ngày cấp:..... nơi cấp...
2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Cấp Giấy chứng nhận cho người mua nhà trong dự án phát triển nhà ở.

III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT (theo danh sách đính kèm 100 hồ sơ)

- 3.1. Thông tin về đất:
3.1.1. Thửa đất số: 462; Tờ bản đồ số: 48;
3.1.2. Địa chỉ tại: Chung cư CC2 (Khối B) thuộc dự án Khu nhà ở tái định cư Tham Lương, phường Đông Hưng Thuận, thành phố Hồ Chí Minh;
Vị trí thửa đất: Vị trí 2. Đường/đoạn đường/khu vực: đường Tân Thới Nhất 17/tron đường.
3.1.3. Giá đất
- Giá đất theo bảng đất (đối với trường hợp áp dụng giá đất theo bảng giá):.....m²
- Giá đất cụ thể:.....m²
- Giá trúng đấu giá:.....m²
- Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:.....
3.1.4 Diện tích thửa đất: 3.205,5 m²
- Diện tích sử dụng chung: 3.205,5 m²
- Diện tích sử dụng riêng:m²

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất:.....m² - Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (tiền thuê đất):.....m² - Diện tích đất trong hạn mức:.....m² - Diện tích đất ngoài hạn mức:.....m² 3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: /; 3.1.6. Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị; 3.1.7. Thời hạn sử dụng đất: - Ổn định lâu dài ☒ - Có thời hạn:.....năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:...../...../..... - Gia hạn..... năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:...../...../..... 3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:...../...../.....; 3.1.9. Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. 3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT80809 ngày 22/9/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.
3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất: (theo danh sách đính kèm 100 hồ sơ) 3.2.1. Loại nhà ở, công trình: căn hộ; cấp hạng nhà ở, công trình: /; 3.2.2. Diện tích xây dựng: -/- m²; 3.2.3. Diện tích sàn xây dựng: -/- m²/diện tích sử dụng: -/- m²; 3.2.4. Diện tích sở hữu chung: -/- m²; Diện tích sở hữu riêng: -/- m²; 3.2.5. Số tầng: 18 tầng + 2 hầm + mái che thang; số tầng nổi: /; số tầng hầm: /; 3.2.6. Nguồn gốc: /. 3.2.7. Năm hoàn thành xây dựng: 2024; 3.2.8. Thời hạn sở hữu đến: /năm. Kết cấu: Tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT.
IV. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH
- Tiền sử dụng đất:..... - Lệ phí trước bạ:.....
V. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP Đính kèm danh sách hồ sơ của người mua đề nghị cấp Giấy chứng nhận gồm: - Đơn đăng ký theo mẫu 18; - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT80809 ngày 22/9/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp; - Biên bản bàn giao; - Hợp đồng mua bán căn hộ và văn bản chuyển nhượng (nếu có); - Bản vẽ sơ đồ căn hộ chung cư.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - VP Sở NN&MT (để b/c);
 - Trung tâm CNTT (để đăng tin);
 - Công ty Cổ phần STC Corporation (thực hiện);
 - Lưu: VT, ĐK(HS), C.Tr. 
- HS: 612/2024 (100 hs).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC 



Thân Thế Hùng

DANH SÁCH 100 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
THUỘC CHỨNG CƯ C1 - KHỐI B (STOWN THAM LƯƠNG) PHƯỜNG ĐÔNG HƯNG THUẬN, TP. HỒ CHÍ MINH
304/ĐKK-ĐK ngày 04/8/2025 của Văn phòng ĐKKĐ TP)

STT	Số biên nhận	Tên khách hàng	Mã căn hộ theo hợp đồng	Căn hộ theo cấp số nhà	Tầng số	Diện tích sử dụng (m2)	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sở hữu	Loại tài sản
1	612	Bà NGUYỄN THỊ NGỌC THUY Năm sinh: 1979, CCCD: 045179005368	A.207	A2.07	3	61.0	64.5	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
2	613	Bà NGUYỄN THỊ XUÂN Năm sinh: 1954, CCCD: 080154001341	A.210	A2.10	3	81.2	85.8	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
3	614	Ông NGUYỄN THANH PHƯƠNG Năm sinh: 1981, CCCD: 051081011161 Bà PHẠM THỊ LINH Năm sinh: 1988, CCCD: 052188014607	A.302	A3.02	4	70.2	74.7	Sở hữu chung	Căn hộ ở
4	615	Ông NGUYỄN DUY ĐOÀN Năm sinh: 1969, CCCD: 079069005992 Bà NGUYỄN THỊ KIM LỆ Năm sinh: 1960, CCCD: 079160012253	A.406	A4.06	5	61.0	64.5	Sở hữu chung	Căn hộ ở
5	616	Ông CAO MINH TIẾN Năm sinh: 1984, CC: 040084000608 Bà BÙI THỊ CÚC Năm sinh: 1984, CCCD: 031184010069	A.505	A5.05	6	81.1	86.2	Sở hữu chung	Căn hộ ở
6	617	Ông NGUYỄN VĂN CHUYÊN Năm sinh: 1976, CCCD: 034076008915 Bà DƯƠNG THỊ THUY Năm sinh: 1979, CCCD: 034179000828	A.708	A7.08	8	81.7	86.8	Sở hữu chung	Căn hộ ở

7

7	619	Ông THÁI LONG QUÂN Năm sinh: 1972,CCCD: 079072020385 Bà NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN Năm sinh: 1972,CCCD: 001172011279	A.7.10	A7.10	8	81.2	85.8	Số hữu chung	Căn hộ ở
8	620	Ông PHẠM VĂN CÔNG Năm sinh: 1968,CC: 082068000456 Bà THÁI NGỌC DUNG Năm sinh: 1967,CCCD: 079167035891	A.8.03	A8.03	9	57.3	60.9	Số hữu chung	Căn hộ ở
9	621	Ông PHAN TRỌNG HOÀNG Năm sinh: 1967,CCCD: 034067016922 Bà LÊ THỊ THU HIỀN Năm sinh: 1978,CCCD: 030178019170	A.9.10	A9.10	10	81.2	85.8	Số hữu chung	Căn hộ ở
10	622	Ông NGUYỄN THANH PHƯƠNG Năm sinh: 1981,CCCD: 051081011161 Bà PHẠM THỊ LINH Năm sinh: 1988,CCCD: 052188014607	A.10.02	A10.02	11	70.2	74.7	Số hữu chung	Căn hộ ở
11	623	Ông NGUYỄN ĐẠT DỨNG Năm sinh: 1983,CCCD: 040083025660 Bà HÀ THỊ HÙNG Năm sinh: 1982,CCCD: 040182022560	A.11.08	A11.08	12	81.7	86.8	Số hữu chung	Căn hộ ở
12	624	Ông NGUYỄN MINH HIỀN Năm sinh: 1985,CCCD: 087085012406 Bà LÊ MINH TUYẾN Năm sinh: 1985,CCCD: 079185026522	A.11.09	A11.09	12	61.5	64.9	Số hữu chung	Căn hộ ở
13	625	Ông VÕ ĐÌNH TRUNG THÀNH Năm sinh: 1989,CCCD: 056089012416 Bà THÂN THỊ MAI Năm sinh: 1992,CCCD: 024192011980	A.11.11	A11.11	12	63.7	68.2	Số hữu chung	Căn hộ ở
14	626	Ông NGUYỄN VĂN BAN Năm sinh: 1980,CCCD: 035080003230 Bà NGUYỄN THỊ DUYỀN Năm sinh: 1984,CCCD: 034184013990	A.12.06	A12.06	13	61.0	64.5	Số hữu chung	Căn hộ ở

15	627	Ông NGUYỄN VIỆT CƯỜNG Năm sinh: 1977, CCCD: 019077012943 Bà LÊ THỊ THUÝ PHƯƠNG Năm sinh: 1977, CCCD: 019177000212	A.1307	A13.07	14	61.0	64.5	Sở hữu chung	Căn hộ ở
16	629	Ông NGUYỄN THANH PHƯƠNG Năm sinh: 1981, CCCD: 051081011161 Bà PHẠM THỊ LINH Năm sinh: 1988, CCCD: 052188014607	A.1604	A16.04	17	56.5	59.9	Sở hữu chung	Căn hộ ở
17	630	Ông TRẦN SỸ TUẤN Năm sinh: 1996, CCCD: 034096010371 Bà TRƯƠNG THỊ THUÝ HẰNG Năm sinh: 1997, CCCD: 044197009222	B.309	B3.09	4	57.3	60.9	Sở hữu chung	Căn hộ ở
18	631	Ông PHẠM HOÀNG LONG Năm sinh: 1990, CCCD: 037090002562 Bà NGUYỄN LAN NHI Năm sinh: 1993, CCCD: 049193019163	B.706	B7.06	8	61.0	64.5	Sở hữu chung	Căn hộ ở
19	632	Ông VŨ VĂN HIẾU Năm sinh: 1981, CCCD: 056081006121 Bà DƯƠNG TRỌNG ĐỨC THUY Năm sinh: 1985, CCCD: 079185013685	B.902	B9.02	10	81.2	85.8	Sở hữu chung	Căn hộ ở
20	633	Ông LÊ TRỌNG TOÀN Năm sinh: 1991, CCCD: 038091037630 Bà LÊ THỊ HÀ Năm sinh: 1991, CCCD: 038191040908	B.1307	B13.07	14	81.1	86.2	Sở hữu chung	Căn hộ ở
21	634	Ông NGUYỄN MINH LÂM Năm sinh: 1981, CCCD: 056081000091	A.201	A2.01	3	66.1	69.5	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
22	635	Ông TRẦN QUỐC TUẤN Năm sinh: 1985, CC: 014085000145	A.202	A2.02	3	70.2	74.7	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
23	636	Ông CHU VĂN DŨNG Năm sinh: 1969, CCCD: 001069032068	A.203	A2.03	3	57.3	60.9	Sở hữu riêng	Căn hộ ở

Handwritten signature

24	637	Ông ĐOÀN TRỌNG DỨNG Năm sinh: 1991, CCCD: 046091015798 Bà NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG Năm sinh: 1995, CCCD: 080195002919	A.204	A2.04	3	56.5	59.9	Sở hữu chung	Căn hộ ở
25	638	Ông TRẦN VĂN SĨ Năm sinh: 1988, CCCD: 038088033204 Bà NGUYỄN THỊ TÂN Năm sinh: 1987, CCCD: 038187028016	A.205	A2.05	3	81.1	86.2	Sở hữu chung	Căn hộ ở
26	639	Ông NGUYỄN NGỌC HÀ Năm sinh: 1979, CCCD: 052079003760 Bà NGUYỄN THỊ HOA Năm sinh: 1984, CCCD: 052184017565	A.206	A2.06	3	61.0	64.5	Sở hữu chung	Căn hộ ở
27	640	Ông NGUYỄN BẢO MINH NHẬT Năm sinh: 1981, CCCD: 046081000296	A.208	A2.08	3	81.7	86.8	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
28	641	Ông LẠI HẢI HÀ Năm sinh: 1978, CCCD: 001078018952 Bà NGUYỄN THỊ LÊ Năm sinh: 1980, CCCD: 040180001159	A.209	A2.09	3	61.5	64.9	Sở hữu chung	Căn hộ ở
29	642	Ông NGUYỄN THANH HẢI Năm sinh: 1994, CCCD: 060094000014 Bà NGUYỄN NGỌC THÙY DUNG Năm sinh: 1995, CCCD: 079195005016	A.211	A2.11	3	63.7	68.2	Sở hữu chung	Căn hộ ở
30	643	Ông HUỖNH TRUNG HIẾU Năm sinh: 1966, CCCD: 068066002815 Bà LÊ THỊ KIM ANH Năm sinh: 1973, CCCD: 056173005952	A.301	A3.01	4	66.1	69.5	Sở hữu chung	Căn hộ ở
31	644	Bà BÙI THỊ HOÀ Năm sinh: 1983, CCCD: 034183012823	A.303	A3.03	4	57.3	60.9	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
32	645	Ông TRẦN MẠNH CẨM Năm sinh: 1995, CCCD: 054095008685 Bà TRẦN THỊ TUYẾT HẠNH Năm sinh: 1995, CCCD: 054195001526	A.304	A3.04	4	56.5	59.9	Sở hữu chung	Căn hộ ở

33	646	Ông TRỊNH AN HÒA Năm sinh: 1978,CCCD: 033078004094 Bà TRẦN THỊ LIÊN Năm sinh: 1981,CCCD: 030181008704	A.305	A3.05	4	81.1	86.2	Sở hữu chung	Căn hộ ở
34	647	Ông NGÔ LÂM SƠN Năm sinh: 1993,CCCD: 037093013407 Bà NGUYỄN TÀI THIÊN TRINH Năm sinh: 1994,CCCD: 070194009512	A.306	A3.06	4	61.0	64.5	Sở hữu chung	Căn hộ ở
35	648	Ông NGUYỄN AN KHANG Năm sinh: 1995,CCCD: 080095007949 Bà LÊ THỊ THU TRANG Năm sinh: 1990,CCCD: 068190004848	A.307	A3.07	4	61.0	64.5	Sở hữu chung	Căn hộ ở
36	649	Ông PHAN MINH HUY Năm sinh: 1996,CCCD: 051096003123 Bà HUỲNH THỊ MỸ LINH Năm sinh: 1996,CCCD: 051196016291	A.308	A3.08	4	81.7	86.6	Sở hữu chung	Căn hộ ở
37	650	Ông HỒ DUY TÂN Năm sinh: 1978,CCCD: 072078004829 Bà NGUYỄN THỊ THANH HUƠNG Năm sinh: 1985,CC: 052185004281	A.309	A3.09	4	61.5	64.9	Sở hữu chung	Căn hộ ở
38	651	Ông TRIỆU VĂN HÂN Năm sinh: 1944,CCCD: 030044000439 Bà NGUYỄN THỊ THẢO Năm sinh: 1944,CCCD: 030144000470	A.310	A3.10	4	81.2	85.8	Sở hữu chung	Căn hộ ở
39	653	Ông NGUYỄN THỂ ANH Năm sinh: 1992,CCCD: 033092000955 Bà LÂM THỊ THỦY TIÊN Năm sinh: 1991,CCCD: 087191000499	A.311	A3.11	4	63.7	68.2	Sở hữu chung	Căn hộ ở
40	654	Ông LÊ VĂN TÙNG Năm sinh: 1991,CCCD: 064091010138 Bà TRẦN THỊ NGỌC QUYÊN Năm sinh: 1993,CCCD: 064193002120	A.401	A4.01	5	66.1	69.5	Sở hữu chung	Căn hộ ở

Handwritten signature

41	655	Ông NGUYỄN HỒNG HẢI Năm sinh: 1982,CCCD: 066082011073 Bà NGUYỄN THỊ CÚC Năm sinh: 1987,CCCD: 056187011735	A.402	A4.02	5	70.2	74.7	Sở hữu chung	Căn hộ ở
42	656	Ông NGUYỄN DUY LÂN Năm sinh: 1980,CCCD: 075080001551 Bà NGUYỄN THỊ NHUNG Năm sinh: 1983,CCCD: 049183008346	A.404	A4.04	5	56.5	59.9	Sở hữu chung	Căn hộ ở
43	657	Bà ĐOÀN THỊ THU VÂN Năm sinh: 1983,CCCD: 080183016290	A.407	A4.07	5	61.0	64.5	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
44	658	Ông NGUYỄN VĂN KHÁNH Năm sinh: 1987,CCCD: 048087006034 Bà PHẠM THỊ HƯƠNG LAN Năm sinh: 1986,CCCD: 072186010438	A.408	A4.08	5	81.7	86.8	Sở hữu chung	Căn hộ ở
45	659	Ông LÃ MINH HOÀNG Năm sinh: 2001,CCCD: 075201014323	A.409	A4.09	5	61.5	64.9	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
46	660	Ông ĐỒNG TÂN THUẬN Năm sinh: 1992,CCCD: 079092023629	A.410	A4.10	5	81.2	85.8	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
47	661	Ông VÕ THANH CƯỜNG Năm sinh: 1991,CCCD: 051091008702 Bà PHẠM THỊ GIANG Năm sinh: 1995,CCCD: 051195010751	A.411	A4.11	5	63.7	68.2	Sở hữu chung	Căn hộ ở
48	662	Ông LÊ TÂN CHÂU Năm sinh: 1984,CC: 046084010327 Bà LÊ THỊ PHƯỢNG Năm sinh: 1989,CCCD: 046189007166	A.501	A5.01	6	66.1	69.5	Sở hữu chung	Căn hộ ở
49	663	Ông NGUYỄN VĂN ĐANG Năm sinh: 1988,CCCD: 038088018096 Bà LÊ THỊ HIỀN Năm sinh: 1990,CCCD: 038190050857	A.502	A5.02	6	70.2	74.7	Sở hữu chung	Căn hộ ở
50	664	Ông NGUYỄN XUÂN NHẬT Năm sinh: 1992,CCCD: 049092008600	A.503	A5.03	6	57.3	60.9	Sở hữu riêng	Căn hộ ở

51	665	Ông HOÀNG HUY HIỆU Năm sinh: 1958,CCCD: 001058021525 Bà TRẦN THỊ HÒA Năm sinh: 1960,CCCD: 001160027187	A.504	A5.04	6	56.5	59.9	Sở hữu chung	Căn hộ ở
52	666	Ông PHẠM THANH BÌNH Năm sinh: 1990,CCCD: 001090010928 Bà NGUYỄN NGỌC BẢO VỊ Năm sinh: 1993,CCCD: 079193003136	A.506	A5.06	6	61.0	64.5	Sở hữu chung	Căn hộ ở
53	667	Ông PHẠM TRẦN MINH KHAI Năm sinh: 1996,CCCD: 058096000137	A.507	A5.07	6	61.0	64.5	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
54	668	Ông VŨ VĂN AN Năm sinh: 1987,CCCD: 038087023087 Bà NGUYỄN THỊ HẰNG Năm sinh: 1990,CCCD: 0381900003965	A.508	A5.08	6	81.7	86.8	Sở hữu chung	Căn hộ ở
55	669	Bà MAI THỊ THÚY KIỀU Năm sinh: 1983,CCCD: 068183000368	A.509	A5.09	6	61.5	64.9	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
56	671	Bà NGUYỄN THỊ KIM DUNG Năm sinh: 1954,CCCD: 036154004300	A.510	A5.10	6	81.2	85.8	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
57	672	Bà MAI THỊ THANH Năm sinh: 1984,CC: 038184011767	A.511	A5.11	6	63.7	68.2	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
58	673	Bà THÁI THỊ NGỌC PHÚ Năm sinh: 1990,CCCD: 052190011971	A.601	A6.01	7	66.1	69.5	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
59	674	Ông NGUYỄN ĐỨC HUY Năm sinh: 1983,CCCD: 044083003410 Bà KHIẾU THỊ DIỄM Năm sinh: 1986,CCCD: 066186012533	A.602	A6.02	7	70.2	74.7	Sở hữu chung	Căn hộ ở
60	675	Ông NGUYỄN DUY THẮNG Năm sinh: 1988,CCCD: 0660880006430 Bà PHAN THỊ HUỖN Năm sinh: 1988,CCCD: 045188007199	A.603	A6.03	7	57.3	60.9	Sở hữu chung	Căn hộ ở

sum

61	676	Ông HUỖNH NGỌC MINH Năm sinh: 1973,CCCD: 079073026699	A.604	A6.04	7	56.5	59.9	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
62	677	Bà TRẦN THỊ XUÂN DUNG Năm sinh: 1983,CCCD: 079183015378	A.605	A6.05	7	81.1	86.2	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
63	678	Ông LÊ SỸ VĂN Năm sinh: 1982,CCCD: 072082005448 Bà TRẦN NGUYỄN UYÊN PHƯƠNG Năm sinh: 1985,CC: 079185000428	A.606	A6.06	7	61.0	64.5	Sở hữu chung	Căn hộ ở
64	679	Ông NGUYỄN ANH TUẤN Năm sinh: 1993,CCCD: 031093021141 Bà PHẠM THỊ YẾN NHÌ Năm sinh: 1994,CC: 079194029747	A.607	A6.07	7	61.0	64.5	Sở hữu chung	Căn hộ ở
65	680	Bà CHÂU THỊ LINH Năm sinh: 1975,CCCD: 083175000351	A.608	A6.08	7	81.7	86.8	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
66	681	Ông NGUYỄN MẠU TỈNH Năm sinh: 1997,CCCD: 051097011898 Bà NGUYỄN THỊ LINH Năm sinh: 1997,CCCD: 051197011791	A.609	A6.09	7	61.5	64.9	Sở hữu chung	Căn hộ ở
67	682	Ông NGUYỄN TRÍ DŨNG Năm sinh: 1968,CCCD: 037068007497 Bà NGUYỄN THỊ THU THẢO Năm sinh: 1967,CCCD: 048167000858	A.610	A6.10	7	81.2	85.8	Sở hữu chung	Căn hộ ở
68	683	Ông NGUYỄN VIỆT HÙNG Năm sinh: 1993,CCCD: 079093037600 Bà NGUYỄN THỊ THUÝ HÀNG Năm sinh: 1993,CCCD: 079193002564	A.611	A6.11	7	63.7	68.2	Sở hữu chung	Căn hộ ở
69	685	Bà NGUYỄN THUÝ LIÊU Năm sinh: 1976,CCCD: 079176005289	A.701	A7.01	8	66.1	69.5	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
70	686	Ông NGUYỄN ĐỨC HOÀNG Năm sinh: 1980,CCCD: 040080000821 Bà NGUYỄN THỊ PHƯƠNG Năm sinh: 1984,CCCD: 040184002537	A.702	A7.02	8	70.2	74.7	Sở hữu chung	Căn hộ ở

71	687	Ông NGUYỄN ĐỨC HẠNH Năm sinh: 1975, CCCD: 036075019194 Bà NGÔ THỊ QUỲNH VÂN Năm sinh: 1974, CCCD: 036174008652	A.703	A7.03	8	57.3	60.9	Sở hữu chung	Căn hộ ở
72	688	Ông LÊ MINH LỰAN Năm sinh: 1978, CCCD: 038078011628 Bà PHẠM HỒNG AN Năm sinh: 1980, CCCD: 042180000679	A.704	A7.04	8	56.5	59.9	Sở hữu chung	Căn hộ ở
73	689	Ông NGUYỄN VĂN ĐẠO Năm sinh: 1961, CCCD: 001061035516 Bà HOÀNG THỊ NHUNG Năm sinh: 1964, CC: 001164043639	A.706	A7.06	8	61.0	64.5	Sở hữu chung	Căn hộ ở
74	690	Ông LÊ HÙNG VINH Năm sinh: 1992, CCCD: 046092007078	A.707	A7.07	8	61.0	64.5	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
75	691	Ông TRƯỜNG ANH VIỆT Năm sinh: 1995, CCCD: 080095009439 Bà TRẦN NHƯ PHÚ AN Năm sinh: 1995, CCCD: 089195020212	A.709	A7.09	8	61.5	64.9	Sở hữu chung	Căn hộ ở
76	692	Bà BÙI THANH THY Năm sinh: 1975, CCCD: 079175011198	A.711	A7.11	8	63.7	68.2	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
77	693	Ông NGUYỄN MINH HẢI Năm sinh: 1966, CCCD: 038066003125 Bà PHAN THỊ TÂM Năm sinh: 1971, CCCD: 038171030761	A.801	A8.01	9	66.1	69.5	Sở hữu chung	Căn hộ ở
78	694	Ông KIỀU ĐÌNH THỊNH Năm sinh: 1963, CCCD: 033063015123 Bà ĐỖ THỊ BÌNH PHƯƠNG Năm sinh: 1968, CCCD: 033168002046	A.802	A8.02	9	70.2	74.7	Sở hữu chung	Căn hộ ở
79	695	Ông NGUYỄN VĂN AN Năm sinh: 1963, CCCD: 072063001467 Bà LÊ NGỌC HẠNH Năm sinh: 1964, CCCD: 072164000617	A.804	A8.04	9	56.5	59.9	Sở hữu chung	Căn hộ ở

80	696	Ông ĐÀO MINH KHOA Năm sinh: 1981, CCCD: 079081022365 Bà HUỲNH THỊ TÙNG THU' Năm sinh: 1985, CC: 082185000319	A.805	A8.05	9	81.1	86.2	Sở hữu chung	Căn hộ ở
81	697	Ông PHẠM ĐỨC CẦNH Năm sinh: 1991, CCCD: 034091003316 Bà NGUYỄN PHẠM AN KHANG Năm sinh: 1989, CCCD: 082189001331	A.806	A8.06	9	61.0	64.5	Sở hữu chung	Căn hộ ở
82	698	Ông NGUYỄN TRI TỨC Năm sinh: 1993, CCCD: 087093011263 Bà TÔ THỊ THÙY TRANG Năm sinh: 1989, CCCD: 091189016921	A.807	A8.07	9	61.0	64.5	Sở hữu chung	Căn hộ ở
83	699	Ông PHẠM HOÀNG HÀ Năm sinh: 1986, CC: 001086021398 Bà NGUYỄN THỊ NHÀI Năm sinh: 1987, CCCD: 001187017819	A.808	A8.08	9	81.7	86.8	Sở hữu chung	Căn hộ ở
84	700	Ông TRẦN MẬU HOÀNG Năm sinh: 1990, CCCD: 046090015888	A.809	A8.09	9	61.5	64.9	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
85	701	Ông NGUYỄN VĂN THOẠI Năm sinh: 1970, CCCD: 037070002577 Bà ĐÌNH THÚY HOA Năm sinh: 1979, CCCD: 042179017046	A.810	A8.10	9	81.2	85.8	Sở hữu chung	Căn hộ ở
86	702	Ông PHẠM KHẮC HUY Năm sinh: 1984, CC: 082084000207 Bà CHÂU LÊ THỊ THU THẢO Năm sinh: 1985, CCD: 079185023059	A.811	A8.11	9	63.7	68.2	Sở hữu chung	Căn hộ ở
87	703	Bà NGUYỄN THỊ THANH OANH Năm sinh: 1972, CCCD: 072172002713	A.901	A9.01	10	66.1	69.5	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
88	705	Bà NGUYỄN NGỌC LÂM THÚY Năm sinh: 1989, CCCD: 083189001981	A.902	A9.02	10	70.2	74.7	Sở hữu riêng	Căn hộ ở

89	706	Ông LÂM BÁ HOÀN Năm sinh: 1991, CCCD: 038091004316 Bà NGUYỄN THỊ LINH Năm sinh: 1996, CCCD: 038196031979	A.903	A9.03	10	57.3	60.9	Sở hữu chung	Căn hộ ở
90	707	Ông VŨ VĂN ANH Năm sinh: 1974, CCCD: 030074008601 Bà NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI Năm sinh: 1977, CCCD: 083177001012	A.904	A9.04	10	56.5	59.9	Sở hữu chung	Căn hộ ở
91	709	Ông NGUYỄN HÙNG GIANG Năm sinh: 1965, CCCD: 036065004978 Bà TRẦN LAN ANH Năm sinh: 1976, CCCD: 034176023809	A.905	A9.05	10	81.1	86.2	Sở hữu chung	Căn hộ ở
92	710	Ông NGUYỄN THẾ PHONG Năm sinh: 1990, CCCD: 049090017720 Bà LÊ THỊ NGỌC ÁNH Năm sinh: 1990, CCCD: 049190006522	A.906	A9.06	10	61.0	64.5	Sở hữu chung	Căn hộ ở
93	711	Ông CHÂU HÙNG TRỰC Năm sinh: 1984, CCCD: 067084003157 Bà HOÀNG LÊ PHƯƠNG THỊ Năm sinh: 1994, CCCD: 077194005275	A.907	A9.07	10	61.0	64.5	Sở hữu chung	Căn hộ ở
94	712	Ông ĐÌNH CAO KHÁNH Năm sinh: 1980, CCCD: 001080017858 Bà TRƯƠNG BÍCH HỢP Năm sinh: 1983, CCCD: 001183058026	A.908	A9.08	10	81.7	86.8	Sở hữu chung	Căn hộ ở
95	714	Ông NGUYỄN VĂN HÀ Năm sinh: 1990, CCCD: 035090011334 Bà PHẠM THỊ TÚOÌ Năm sinh: 1986, CCCD: 030186021763	A.909	A9.09	10	61.5	64.9	Sở hữu chung	Căn hộ ở
96	715	Ông KHUƠNG MINH THẮNG Năm sinh: 2003, CCCD: 001203000172 Đồng Sở Hữu Bà KHUƠNG LAN ANH Năm sinh: 1994, CCCD: 001194011527	A.911	A9.11	10	63.7	68.2	Sở hữu chung	Căn hộ ở

97	716	Ông THIỀU QUANG VINH Năm sinh: 1993,CCCD: 060093015122	A.1001	A10.01	11	66.1	69.5	Sở hữu riêng	Căn hộ ở
98	717	Ông LÊ THẾ SON Năm sinh: 1992,CCCD: 060092006658 Bà PHAN THỊ BÔNG Năm sinh: 1992,CCCD: 060192015169	A.1003	A10.03	11	57.3	60.9	Sở hữu chung	Căn hộ ở
99	719	Ông MAI TRẦN CHÍ TÍN Năm sinh: 1990,CCCD: 058090000154 Bà LÂM THỊ HỒNG PHỤNG Năm sinh: 1992,CCCD: 058192005040	A.1004	A10.04	11	56.5	59.9	Sở hữu chung	Căn hộ ở
100	720	Ông NGUYỄN PHƯỚC Năm sinh: 1960,CC: 045060003918 Bà THÁI THỊ SEN Năm sinh: 1967,CC: 045167003886	A.1005	A10.05	11	81.1	86.2	Sở hữu chung	Căn hộ ở